

19. DÙNG NƯỚC CÓ TRÙNG^{10>}

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, Đức Thế Tôn ở tại nước Câu-thiểm-di¹⁰⁴. Bấy giờ có Tỳ-kheo Xiển-đà¹⁰⁵ xây cất nhà lớn¹⁰⁶, tự mình lấy nước có trùng hòa vào bùn, và bảo người hòa. Các trưởng giả thấy thế hiềm trách rằng, Sa-môn Thích tử không biết tầm quý, không có từ tâm, hại mạng chúng sanh. Bên ngoài tự nói, ta tu chánh pháp, nếu nhìn vào việc hiện tại thì đó có chi gọi là chánh pháp? Dùng nước có trùng hòa vào bùn, và bảo

người hòa, hại mạng chúng sanh.

Trong các Tỳ-kheo nghe đó, có vị thiếu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tầm quý, hiềm trách Xiển-đà: Sao xây cất phòng ốc, lấy nước có trùng hòa vào bùn, hay bảo người hòa, hại mạng chúng sanh?

Các Tỳ-kheo đến chỗ Đức Thế Tôn, đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên này bạch đầy đủ lên Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn liền dùng nhân duyên này tập hợp Tăng Tỳ-kheo, quở trách Xiển-đà:

- Việc ông làm là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Này Xiển-đà! Sao xây cất phòng ốc, lấy nước có trùng hòa vào bùn, hay bảo người hòa, hại mạng chúng sanh?

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách Xiển-đà rồi bảo các Tỳ-kheo:

- Kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo nào, tự mình dùng nước có trùng hòa vào bùn, hoặc sai người hòa, ba-dật đề.

Thế Tôn vì các Tỳ-kheo kiết giới như vậy. Bấy giờ, các Tỳ-kheo trước đó chưa biết nước có trùng hay nước không có trùng, sau đó mới biết là nước có trùng, nên có vị làm pháp sám Ba-dật-đề, hoặc có vị vì dè dặt. Phật dạy: Không biết, không phạm.

Từ nay về sau nên nói giới như vậy:

Tỳ-kheo nào, biết nước có trùng, mà tự mình rưới lên bùn¹⁰⁷ hoặc cỏ, hoặc bảo người rưới, ba-dật đề.

94. Ngũ phần thêm: Dụng lực tọa ngoại 用力坐臥, dùng sức ngồi hay nằm. Căn bản: Phóng thân tọa ngoại 放身坐臥, buông người ngồi hay nằm.

95. Hán: Xá 舍; trong giới vẫn nói là phòng 房

100. Trùng các 重閣. Pali: Vehāsakunī, giải thích: Majhimassa purisassa īsaghattā, (gác cao) mà một người cao trung bình không đụng đầu. Căn bản: Trùng phòng 重房, giải thích: tầng gác

cao nguy hiểm, hủ mục.

A. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: Nghĩa như trên.

Nếu biết nước có trùng, mà dùng cỏ hay đất ném vào trong đó, Ba-dật-đề. Ngoài nước ra, nếu nước tương, nước tương trong¹⁰⁸, trong dấm, trong nước ngâm gạo mà có trùng, tự mình hoặc bảo người tưới lên bùn hoặc cỏ, Ba-dật-đề.

Nếu tự mình hoặc bảo người dùng đất hoặc cỏ bỏ vào nước tương,

nước tương trong, dấm, nước ngâm gạo mà có trùng, Ba-dật-đề.

Nếu nước có trùng, tương là nước có trùng, Ba-dật-đề. Nước có trùng mà nghi, Đột-kiết-la. Nước không có trùng, tương là nước có trùng, Đột-kiết-la. Nước không có trùng mà nghi, Đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, Ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Không biết là có trùng; nghĩ rằng không có trùng; hoặc là trùng lớn, dùng tay khua động khiến cho nó tránh đi; hoặc là nước đã lọc tưới đất, hoặc sai người tưới; tất cả đều không phạm.

Người không phạm: Phạm lần đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

101. Độc tọa sàng 獨坐床. Có lẽ chỉ một loại ghế ngồi cho một người.

102. Dục sàng 浴床. Ghế nhỏ, để ngồi mà tắm.

103. Ngũ phần, Ba-dật-đề 20. Pali, Pác. 20 Sappānaka. Các bộ khác, như Tứ phần.

104. Pali: Phật tại Ānavī (Khoáng dã)

105. Xem Ch.ii. Tăng-già-bà-thi-sa xiii. Tăng kỳ, doanh sự Tỳ-kheo 營事比丘

106. Đại ốc 大屋. Ngũ phần: Đại phòng xá 大房舍.

107. Ngũ phần thêm: hoặc uống, hoặc dùng vào các việc khác... Căn bản thêm, ...hoặc hòa với phân bò.

108. Lạc tương và thanh lạc tương 酪漿清酪漿.